

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

Số:38/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 02 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH T

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:63/2021//TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn 4, xã Hà Vinh, huyện HT, tỉnh T

Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1984

Địa chỉ tại : Thôn NT, xã NT, huyện TT, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Trung K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 10/02/2006 tại UBND xã Hà Vinh, huyện HT, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Chị T và anh K đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T và anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống với nhau được nữa nên thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 08/09/2007 và cháu Nguyễn Trung N; sinh ngày 29/09/2009. Sau khi ly hôn anh K, chị T thỏa thuận anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, chị T nuôi dưỡng cháu N cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

chung cho nhau. Chị T và anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Trung K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Trung K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Trung K thỏa thuận, anh K là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Trung K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là cháu Nguyễn Thị Phương Th, sinh ngày 08/09/2007 và cháu Nguyễn Trung N; sinh ngày 29/09/2009. Sau khi ly hôn anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trung K chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh K đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số: AA/2018/0003043 ngày 19/03/2021. Anh Nguyễn Trung K đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn HV, HT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân

